



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

TỪ NGÀY 01 THÁNG 07 NĂM 2017  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2017

(NIÊN ĐỘ TỪ 01/07/2017 ĐẾN 30/06/2018)

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

---

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	2 - 5
2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
4. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 30

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I kết thúc ngày 30/09/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/09/2017)	Số đầu năm (01/07/2017)
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>939,938,150,693</b>	<b>1,093,332,804,390</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>96,778,682,220</b>	<b>81,172,629,111</b>
1. Tiền	111		84,256,148,120	15,225,396,667
2. Các khoản tương đương tiền	112		12,522,534,100	65,947,232,444
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>8,095,000,000</b>	<b>77,169,623,717</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	V.3	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		8,095,000,000	77,169,623,717
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>398,372,954,192</b>	<b>378,305,408,552</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		84,317,473,903	115,829,678,321
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		257,043,164,448	208,074,329,224
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		45,242,425,735	40,734,329,244
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	34,834,071,670	36,834,678,327
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(23,064,181,564)	(23,167,606,564)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>410,371,358,890</b>	<b>551,943,613,290</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.5	413,699,312,204	555,271,566,604
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.6	(3,327,953,314)	(3,327,953,314)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>26,320,155,391</b>	<b>4,741,529,720</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	26,065,019,715	4,486,394,044
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	-	255,135,676
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	V.9	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I kết thúc ngày 30/09/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018)

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/09/2017)	Số đầu năm (01/07/2017)
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1,511,440,204,045</b>	<b>1,514,838,040,144</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2,936,979,236</b>	<b>2,936,979,236</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		1,815,401,544	1,815,401,544
6. Phải thu dài hạn khác	216		1,144,077,692	1,144,077,692
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		(22,500,000)	(22,500,000)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1,341,617,084,784</b>	<b>1,368,800,443,655</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	1,304,596,773,322	1,331,654,602,080
<i>Nguyên giá</i>	222		3,029,318,420,915	3,065,916,968,131
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1,724,721,647,593)	(1,734,262,366,051)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	37,020,311,462	37,145,841,575
<i>Nguyên giá</i>	228		47,903,559,576	47,903,559,576
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(10,883,248,114)	(10,757,718,001)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>72,541,352,352</b>	<b>46,580,118,559</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	72,541,352,352	46,580,118,559
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>30,982,951,273</b>	<b>30,639,388,207</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.13	15,731,805,473	15,388,242,407
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.14	15,251,145,800	15,251,145,800
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.15	-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>63,361,836,400</b>	<b>65,881,110,487</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	59,083,702,996	61,252,977,083
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		4,278,133,404	4,628,133,404
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2,451,378,354,738</b>	<b>2,608,170,844,534</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I kết thúc ngày 30/09/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018)

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ (30/09/2017)</b>	<b>Số đầu năm (01/07/2017)</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>823,007,014,670</b>	<b>923,869,830,318</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>740,350,103,197</b>	<b>840,354,604,902</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		40,582,270,372	64,684,317,939
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		12,614,299,527	6,820,644,351
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	9,574,429,842	15,975,932,502
4. Phải trả người lao động	314		5,967,665,272	8,479,010,346
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	3,771,495,581	9,044,992,768
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	7,262,828,133	12,921,260,514
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	632,143,797,028	692,440,163,972
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.25	28,433,317,442	29,988,282,510
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>82,656,911,473</b>	<b>83,515,225,416</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		283,077,298	283,077,298
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		9,332,542,040	10,190,855,983
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21	4,720,000,000	4,720,000,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.22	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		68,321,292,135	68,321,292,135

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I kết thúc ngày 30/09/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018)

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/09/2017)	Số đầu năm (01/07/2017)
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1,628,371,340,068</b>	<b>1,684,301,014,216</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1,600,440,582,903</b>	<b>1,644,382,425,638</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.24	700,000,000,000	700,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		700,000,000,000	700,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24	180,176,411,784	180,176,411,784
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.24	-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.24	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.24	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.24	578,116,732,076	578,116,732,076
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		127,719,882	127,719,882
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		104,859,831,239	148,580,351,423
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		92,580,351,423	22,652,126,887
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12,279,479,816	125,928,224,536
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		37,159,887,922	37,381,210,473
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>27,930,757,165</b>	<b>39,918,588,578</b>
1. Nguồn kinh phí	431		170,517,653	2,506,077,155
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	V.26	27,760,239,512	37,412,511,423
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2,451,378,354,738</b>	<b>2,608,170,844,534</b>

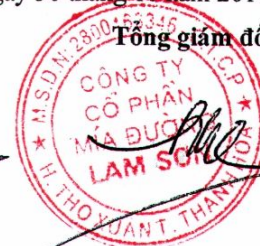
Lập ngày 30 tháng 10 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc





Nguyễn Thị Nhung

Lê Thị Huệ

Lê Văn Phương

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I kết thúc ngày 30/09/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý I - Niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/09/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 (từ 01/07 đến 30/09)	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	213,818,139,169	458,152,981,930
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	133,098,232
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	213,818,139,169	458,019,883,698
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	176,491,440,651	381,232,037,426
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		37,326,698,518	76,787,846,272
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2,557,678,994	115,206,149
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8,920,729,233	10,500,629,813
Trong đó: chi phí lãi vay	23		8,856,184,549	10,500,629,813
8. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong Công ty liên kết	41		59,798,534	(160,749,374)
9. Chi phí bán hàng	24	VI.5	5,004,779,600	3,975,903,784
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	11,998,427,660	19,128,798,826
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13,960,441,019	43,297,719,998
12. Thu nhập khác	31		1,508,509,660	5,677,222
13. Chi phí khác	32		978,129,830	103,859,885
14. Lợi nhuận khác	40		530,379,830	(98,182,663)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14,550,619,383	43,038,787,961
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2,271,139,567	6,093,291,461
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>12,279,479,816</u>	<u>36,945,496,500</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	80		12,500,802,367	32,518,653,751
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	70		(221,322,551)	4,426,842,749

Lập ngày 30 tháng 10 năm 2017

Người lập biểu

Nguyễn Thị Nhung

Kế toán trưởng

Lê Thị Huệ

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I kết thúc ngày 30/09/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Giai đoạn từ ngày 01/07/2017 đến 30/09/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 01/07 đến 30/09	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14,550,619,383	43,038,787,961
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		10,985,698,623	8,357,214,395
- Các khoản dự phòng	03		(103,425,000)	(184,841,000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		268,381,529	833,055,978
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	8,856,184,549	11,373,549,667
- Các khoản chi trực tiếp từ lợi nhuận	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		34,557,459,084	63,417,767,001
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(14,200,888,473)	(50,547,240,801)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		141,572,254,400	352,216,948,399
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(66,449,260,831)	(67,136,359,449)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(24,409,351,584)	(8,585,051,807)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(10,412,740,395)	(12,084,893,259)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(10,772,740,395)	(5,015,721,761)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		9,511,959,372	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(4,104,015,068)	(488,041,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>55,292,676,110</b>	<b>271,777,407,323</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(24,264,358,305)	(20,820,614,858)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		4,073,164,055	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(7,548,271,018)	(1,833,884,442)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		118,035,665,609	251,146,319
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	843,067,015	75,306,506
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>91,139,267,356</b>	<b>(22,328,046,475)</b>



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.30	-	-	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		306,707,371,819		178,612,361,202	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(381,533,262,174)		(331,792,100,415)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(56,000,000,000)		-	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(130,825,890,355)</b>		<b>(153,179,739,213)</b>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>15,606,053,111</b>		<b>96,269,621,635</b>	
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>81,172,629,109</b>		<b>44,371,716,087</b>	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-		-	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>96,778,682,220</b>		<b>140,641,337,722</b>	

Lập ngày 30 tháng 10 năm 2017

Người lập biểu



Nguyễn Thị Nhung

Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I kết thúc ngày 30/09/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến. dịch vụ. thương mại
- Ngành nghề kinh doanh** : Công nghiệp đường. cồn. nha. nước uống có cồn và không có cồn; Chế biến các sản phẩm sau đường. nông. lâm sản. thức ăn gia súc; Dịch vụ vận tải. cơ khí. cung ứng vật tư nguyên liệu; Sản xuất và cung ứng giống cây. con. tiêu thụ sản phẩm; Chăn nuôi bò sữa. chế biến sữa. bò thịt. chế biến các sản phẩm cao su. giấy bao bì carton. kinh doanh thương mại. khách sạn ăn uống; Xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và tài sản cố định. máy móc. thiết bị. vật tư. phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh; Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; Sản xuất kinh doanh CO<sub>2</sub> (khí. lỏng. rắn); Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp. công nghiệp; Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc. thiết bị; Dịch vụ làm đất nông. lâm nghiệp.

#### 4. Công ty con

Đến thời điểm kết thúc niên độ tài chính được công bố ở đây Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn có 07 Công ty con. Tất cả các Công ty con đều được hợp nhất số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I của niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018. Danh sách các Công ty con, địa chỉ, quyền kiểm soát và tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Quyền kiểm soát (%)	Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ (%)
1. Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	Xã Xuân Phú. Thọ Xuân. Thanh Hóa	90.00	90.00
2. Công ty TNHH Lam Sơn- Sao Vàng	Thị trấn Sao Vàng. Thọ Xuân. Thanh Hóa	100.00	100.00
3. Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Lam Sơn - Bá Thước	Thị trấn Cành Nàng - Huyện Bá Thước - Tỉnh Thanh Hóa	100.00	100.00
4. Công ty Cổ phần Nông công nghiệp dịch vụ thương mại Vân Sơn	Xã Vân Sơn - Huyện Triệu Sơn - Tỉnh Thanh Hóa	100.00	100.00
5. Công ty CP mía đường Nông Cống	Xã Thăng Long - Huyện Nông Cống - Tỉnh Thanh Hóa	56.61	56.61
6. Công ty TNHH 1TV Thành An – Lam Sơn	Thôn Làng May. Thọ Xương. Thọ Xuân. Thanh Hóa.	100	100

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I kết thúc ngày 30/09/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Tên đơn vị	Địa chỉ	Quyền kiểm soát (%)	Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ (%)
7. Công ty TNHH TTNC &PT NN CNC Lam Sơn	Thị trấn Lam Sơn - Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa	100	100

## II. NĂM TÀI CHÍNH. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 466NQ/2015/ĐLS - ĐHĐCĐ ngày 03/08/2015 quyết nghị Chuyển đổi năm tài chính từ năm dương lịch (từ 01/01 - 31/12 hàng năm) sang áp dụng năm tài chính từ ngày 01/07 năm nay đến 30/06 năm sau. Niên độ tài chính 2017/2018 bắt đầu từ 01 tháng 07 năm 2017 đến 30 tháng 06 năm 2018.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên phần mềm máy tính (Hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP - Oracle E-Business Suite).

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty mẹ và Báo cáo tài chính của tất cả các công ty con do công ty mẹ kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I kết thúc ngày 30/09/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

### **1.1 Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Bảng cân đối kế toán của công ty mẹ và các công ty con theo từng khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục của Bảng cân đối kế toán không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất gồm:
  - + Các khoản đầu tư của công ty mẹ vào các công ty con;
  - + Lợi ích của cổ đông thiểu số;
  - + Các khoản phải thu, phải trả nội bộ giữa các đơn vị trong cùng tập đoàn;
  - + Các khoản lãi, lỗ nội bộ chưa thực sự phát sinh;
  - + Các khoản vốn góp liên doanh, liên kết điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

### **1.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:**

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty mẹ và của các công ty con trong tập đoàn theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.
- Đối với những khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm:
  - + Doanh thu, giá vốn hàng bán, lãi, lỗ nội bộ tập đoàn;
  - + Lãi, lỗ nội bộ chưa thực sự phát sinh;
  - + Lợi ích của cổ đông thiểu số trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp;
  - + Thuế thu nhập doanh nghiệp.

### **1.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất**

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của công ty mẹ và các công ty con.

## **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua.

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I kết thúc ngày 30/09/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc và thiết bị	04 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 10

### 6. Tài sản cố định vô hình

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất.

#### ***Phần mềm máy tính***

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 05 năm.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I kết thúc ngày 30/09/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

---

### **7. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

### **8. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào Công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư vào chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

### **9. Chi phí trả trước dài hạn**

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

#### ***Tiền thuê đất, thuê kho trả trước***

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

### **10. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

### **11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

### **12. Cổ phiếu quỹ**

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I kết thúc ngày 30/09/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

### **13. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động sản xuất và chế biến mía đường. Các sản phẩm còn lại áp dụng thuế suất 20% từ 01/01/2016.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính hợp nhất và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### **14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

### **15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I kết thúc ngày 30/09/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.269.189.678	663.275.387
Tiền gửi ngân hàng	82.986.958.442.	14.562.121.280
Các khoản tương đương tiền	12.522.534.100	65.947.232.444
<b>Cộng</b>	<b><u>96.778.682.220</u></b>	<b><u>81.172.629.111</u></b>

#### 2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chứng khoán kinh doanh	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	8.095.000.000	77.169.623.717
<b>Cộng</b>	<b><u>8.095.000.000</u></b>	<b><u>77.169.623.717</u></b>

#### 3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	-

#### 4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng		
- Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam	47.911.500.000	66.714.186.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	36.405.973.903	49.115.492.321
	<b><u>84.317.473.903</u></b>	<b><u>115.829.678.321</u></b>

#### 5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu CBCNV (BHXH, Thuế TNCN)	2.698.857.759	3.658.956.271
Phải thu Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	8.504.060.306	8.504.060.306
Tạm ứng	398.963.356	2.472.965.970
Phải thu các hộ nông dân trồng mía	257.896.998	5.379.860.078
Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh	6.000.000.000	6.000.000.000
Các khoản phải thu khác	16.974.293.251	10.818.835.702
<b>Cộng</b>	<b><u>34.834.071.670</u></b>	<b><u>36.834.678.327</u></b>

#### 6. Hàng tồn kho

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I kết thúc ngày 30/09/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	73.298.660.341	79.151.531.021
Công cụ, dụng cụ	722.168.575	737.670.211
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	48.179.756.381	33.526.256.836
Thành phẩm	257.075.480.001	394.731.069.270
Hàng hóa	34.103.250.190	46.969.139.504
Hàng gửi bán	319.988.716	155.899.762
<b>Cộng</b>	<b><u>413.699.312.204</u></b>	<b><u>555.271.566.604</u></b>

**7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.327.956.314)	(3.327.953.314)
<b>Cộng</b>	<b><u>(3.324.953.314)</u></b>	<b><u>(3.327.953.314)</u></b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	(3.327.953.314)
Trích lập dự phòng bổ sung/Tăng khác	-
Hoàn nhập dự phòng	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>(3.327.953.314)</u></b>

**8. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	26.065.049.715	4.486.394.044
<b>Cộng</b>	<b><u>26.065.019.715</u></b>	<b><u>4.486.394.044</u></b>

**9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-	255.135.676
<b>Cộng</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>255.135.676</u></b>

**10. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	-	-
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I kết thúc ngày 30/09/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

### 11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện VT, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	732.553.241.492	2.218.922.412.787	86.316.008.539	24.557.366.504	3.567.939.810	3.065.916.969.132
Tăng trong năm	1.117.965.998	58.218.623	1.526.179.000	139.750.000		2.845.113.621
Mua sắm mới	840.704.998	58.218.623	1.526.179.000			
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	277.261.000					277.261.000
Tăng khác						
Giảm trong năm	10.766.603.636	28.677.058.202				39.443.661.838
Thanh lý, nhượng bán		28.677.058.202				28.677.058.202
Chuyển thành CCDC						
Giảm khác	10.766.603.636					10.766.603.636
Số cuối kỳ	722.904.603.854	2.190.303.573.208	87.845.187.539	24.697.116.504	3.567.939.810	3.029.318.420.915
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	312.939.272.159	1.324.772.793.513	73.117.152.626	23.024.029.051	409.118.702	1.734.262.366.051
Tăng trong năm	5.681.913.2671	4.427.435.009	556.749.739	105.614.425	88.456.070	10.860.168.510
Khấu hao trong năm	5.681.913.2671	4.427.435.009	556.749.739	105.614.425	88.456.070	10.860.168.510
Tăng khác						
Giảm trong năm	1.728.440.153	18.672.446.815				20.400.886.968
Thanh lý, nhượng bán		18.672.446.815				18.672.446.815
Chuyển thành CCDC						
Giảm khác	1.728.440.153					1.728.440.153
Số cuối kỳ	316.892.745.273	1.310.527.781.707	73.673.902.356	23.129.643.476	497.574.772	1.724.721.647.593
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm tại ngày 01/07/2017	419.613.969.333	894.149.619.274	13.198.855.913	1.533.337.453	3.158.821.108	1.331.654.603.081
Số cuối kỳ tại ngày 30/09/2017	406.001.858.581	879.755.791.501	14.717.285.174	1.567.473.028	3.070.365.038	1.304.596.773.322

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I kết thúc ngày 30/09/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất****12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy vi tính</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm 01/07/2017	37.815.939.158	10.087.620.418	47.903.559.576
Tăng do mua sắm mới			
Tăng khác			
Thanh lý, nhượng bán			
Giảm khác			
Số cuối kỳ 30/06/2017	<u>37.815.939.158</u>	<u>10.087.620.418</u>	<u>47.903.559.576</u>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm 01/07/2017	953.683.756	9.804.034.245	10.757.718.001
Khấu hao trong năm	96.915.113	28.615.000	125.530.113
Tăng khác			
Thanh lý, nhượng bán			
Giảm khác			
Số cuối kỳ 30/06/2017	<u>1.050.598.869</u>	<u>9.832.649.245</u>	<u>10.883.248.114</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	<u>36.862.255.402</u>	<u>283.586.173</u>	<u>37.145.841.575</u>
Số cuối kỳ	<u>36.765.340.289</u>	<u>254.971.173</u>	<u>37.020.311.462</u>

**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>		
Dự án khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	30.126.661.204	19.846.070.844
DA xây dựng vườn cam công nghệ cao	6.234.999.357	5.699.143.987
DA sinh thái tre luồng Tam Thanh	13.759.325.915	11.772.191.296
Các công trình khác	22.420.365.877	9.262.712.432
<b>Cộng</b>	<u>72.541.352.353</u>	<u>46.580.118.559</u>

**14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư vào công ty liên kết	15.731.805.473	15.384.686.675
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15.251.145.800	15.251.145.800
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u>30.982.951.273</u>	<u>30.635.832.475</u>

**Đầu tư vào các công ty liên kết**

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I kết thúc ngày 30/09/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số cổ phần
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển	38.39%	2.150.000	38.39%	2.150.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân	32.00%	1.600.000	32.00%	1.600.000

**15. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Đầu tư dài hạn khác - góp vốn cổ phần</b>	<b>15.251.145.800</b>	<b>15.251.145.800</b>
<i>Công ty Cổ phần đầu tư TM Lam Sơn</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần thương mại Lam Hà</i>	<i>2.276.500.000</i>	<i>2.276.500.000</i>
<i>Tổng công ty mía đường I - Công ty CP</i>	<i>2.974.645.800</i>	<i>2.974.645.800</i>
<b>Cộng</b>	<b>15.251.145.800</b>	<b>15.251.145.800</b>

**16. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thuê đất	56.187.809.883	56.401.055.999
Chi phí khác	1.193.424.178	3.105.386.030
TSCĐ chuyển CCDC chờ phân bổ	1.702.468.935	1.746.535.054
<b>Cộng</b>	<b>59.083.702.996</b>	<b>61.252.977.083</b>

**17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	626.703.797.028	685.670.163.972
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác		1.330.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	5.440.000.000	5.440.000.000
<b>Cộng</b>	<b>632.143.797.028</b>	<b>692.440.163.972</b>

**18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số cuối kỳ
Số phải nộp	15.975.932.502	9.574.429.842
<b>Cộng</b>	<b>15.975.932.502</b>	<b>9.574.429.842</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I kết thúc ngày 30/09/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng:

Đường, mật ri	5%
Cồn, dịch vụ cho thuê kho bãi, khách sạn, ăn uống	10%

### *Thuế xuất, nhập khẩu*

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

## 19. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	1.178.275.521	1.788.193.967
Cước vận chuyển	158.676.910	
Chiết khấu bán hàng	460.756.970	3.334.190.420
Các khoản khác	1.973.786.180	3.922.608.381
<b>Cộng</b>	<b>3.771.495.581</b>	<b>9.044.992.768</b>

## 20. Các khoản phải trả- phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	2.460.372.379	774.601.080
Kinh phí công đoàn	1.388.804.247	1.736.230.388
Phải trả cán bộ công nhân viên		703.925.934
Tiền thưởng vượt KH lợi nhuận	2.234.355.000	2.234.355.000
Các khoản phải trả khác	1.179.296.507	7.472.148.112
<b>Cộng</b>	<b>7.262.828.133</b>	<b>12.921.260.514</b>

## 21. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	2.720.000.000	2.720.000.000
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	2.000.000.000	2.000.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.720.000.000</b>	<b>4.720.000.000</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

### 22. Vốn chủ sở hữu

#### Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc VCSH (*)	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	Tổng cộng
Số đầu năm trước	700.000.000.000	180.176.411.784		568.026.596.583		133.182.845	115.289.865.814	1.563.626.057.026
Lợi nhuận năm trước							125.928.224.536	125.928.224.536
Tăng (giảm) do thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con								
Trích lập các quỹ trong năm trước								
Chia cổ tức năm trước				10.927.847.10			(10.297.847.100)	(10.297.847.100)
Quỹ khen thưởng phúc lợi							(70.000.000.000)	(70.000.000.000)
Thương ban điều hành							(10.297.847.100)	(10.297.847.100)
Lợi ích cổ đông thiểu số							(2.234.355.000)	(2.234.355.000)
Các khoản khác				(207.711.607)		(5.462.963)	192.310.273	(20.864.297)
Số dư cuối năm trước	700.000.000.000	180.176.411.784		578.116.732.076		127.719.882	148.580.351.423	1.607.001.215.165
Số dư đầu năm nay	700.000.000.000	180.176.411.784		578.116.732.076		127.719.882	148.580.351.423	1.607.001.215.165
Cổ đông góp vốn								
Trong đó: - bằng tiền								
- cổ tức								
Lợi nhuận trong kỳ							12.279.479.816	12.279.479.816
Lợi nhuận các năm trước							(56.000.000.000)	(56.000.000.000)
Trích lập các quỹ								
Chia cổ tức năm nay								
Các khoản khác								
Số dư cuối kỳ này	700.000.000.000	180.176.411.784		578.116.732.076		127.719.882	104.859.831.239	1.563.280.694.981

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất***Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của các cổ đông	700.000.000.000	700.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	180.176.411.784	180.176.411.784
Vốn khác của Chủ sở hữu	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>880.176.411.784</u></b>	<b><u>880.176.411.784</u></b>

*Cổ phiếu*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	70.000.000	70.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000	70.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	70.000.000	70.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

*Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh và đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ phát triển khoa học công nghệ được trích lập dùng để đầu tư cho phát triển, ứng dụng khoa học - công nghệ tại doanh nghiệp.

**23. Quỹ khen thưởng - phúc lợi**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ khen thưởng	25.588.086.954	25.588.086.954
Quỹ phúc lợi	2.845.230.488	4.400.195.256
Quỹ phúc lợi HT TSCĐ	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>28.433.317.442</u></b>	<b><u>29.988.282.510</u></b>

**24. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định**

<b>Số đầu năm</b>	<b>37.412.511.423</b>
Giảm khác trong năm	(9.030.837.687)
TSCĐ hình thành từ nguồn kinh phí	
Khấu hao trong năm	(621.434.224)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>27.760.239.512</u></b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM TÀI CHÍNH 2017/2018**

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I kết thúc ngày 30/09/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất****1. Doanh thu bán hàng**

	Giai đoạn từ 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	213.818.139.169	458.152.981.930
Các khoản giảm trừ doanh thu:		133.098.232
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>213.818.139.169</b>	<b>458.019.883.698</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Giai đoạn từ 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng bán	176.491.440.651	381.232.037.426
<b>Cộng</b>	<b>176.491.440.651</b>	<b>381.232.037.426</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Giai đoạn từ 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.499.101.994	115.206.149
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	58.577.000	
Doanh thu từ hoạt động tài chính khác		
<b>Cộng</b>	<b>2.557.678.994</b>	<b>115.206.149</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Giai đoạn từ 01/07 đến 30/9	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	8.856.184.549	10.500.629.813
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư tài chính		
Chi phí khác	64.544.684	
<b>Cộng</b>	<b>8.920.729.833</b>	<b>10.500.629.813</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	Giai đoạn từ 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	873.517.296	1.320.258.096



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I kết thúc ngày 30/09/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

	<b>Giai đoạn từ 01/07 đến 30/09</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí vật liệu, bao bì	128.698.715	16.504.856
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	708.422.435	129.732.200
Chi phí khấu hao TSCĐ	547.005.229	385.566.830
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.002.248.509	334.139.672
Chi phí bằng tiền khác	1.618.404.713	1.789.702.130
<b>Cộng</b>	<b>5.004.779.600</b>	<b>3.975.903.784</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Giai đoạn từ 01/07 đến 30/09</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nhân viên quản lý	4.172.297.450	4.671.824.675
Chi phí vật liệu quản lý	51.218.280	28.561.210
Chi phí đồ dùng văn phòng	228.889.369	136.665.192
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.506.529.439	1.473.901.090
Thuế, phí và lệ phí	6.349.000	169.227.225
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.216.810.948	794.002.057
Quỹ KHCN		3.643.230.243
Chi phí bằng tiền khác	3.816.332.574	8.063.807.134
<b>Cộng</b>	<b>11.998.427.060</b>	<b>19.128.798.826</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I kết thúc ngày 30/09/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

### VII. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tại ngày 30/09/2017 và 30/06/2017, số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu khách hàng</b>			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	2.921.603.000	2.921.603.000
<b>Trả trước cho người bán</b>			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	882.000.000	882.000.000
<b>Phải thu khác</b>			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	8.504.060.306	8.504.060.306
<b>Phải trả người bán</b>			
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Như Xuân	Công ty liên kết		4.489.125.150

### VIII. BÁO CÁO BỘ PHẬN

#### Theo lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất đường và các sản phẩm từ đường. Giai đoạn từ 01/07/2017 đến 30/09/2017, doanh thu từ sản phẩm đường và sản phẩm thu hồi là chiếm tỷ trọng 95% tổng doanh thu bán hàng hợp nhất; doanh thu khác chiếm tỷ trọng 5%. Doanh thu từ sản phẩm đường và sản phẩm thu hồi chiếm tỷ trọng chủ yếu. Do đó Công ty không thuyết minh Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính.

#### Theo khu vực địa lý:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

### IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/07/2017 - 30/09/2017	Từ 01/07/2016 - 30/09/2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.279.479.816	36.945.496.500
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông công ty mẹ	12.500.802.367	32.518.653.751
Số lượng cổ phiếu phát hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân	70.000.000	70.000.000
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>	<b>178,6</b>	<b>464,5</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I kết thúc ngày 30/09/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất****X. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>ĐV</b>	<b>Tại ngày 30/09/2017</b>	<b>Tại ngày 01/07/2017</b>
<b>Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
<i>Cơ cấu tài sản</i>			
Tài sản ngắn hạn/ Tổng số tài sản	%	38,34	41,92
Tài sản dài hạn/ Tổng số tài sản	%	61,66	58,08
<i>Cơ cấu nguồn vốn</i>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	33,58	35,42
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	64,9	59,44
Lợi ích cổ đông thiểu số/ Tổng nguồn vốn	%	1,52	5,14
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,98	2,47
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,27	1,11
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,13	0,05
<b>Chỉ tiêu</b>	<b>ĐV</b>	<b>Từ 01/07/2017- 30/09/2017</b>	<b>Từ 01/07/2016- 30/09/2017</b>
<b>Tỷ suất sinh lời</b>			
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	6,81	9,4
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	5,74	8,07
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	0,59	1,63
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	0,5	1,4
<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế của Công ty trên Vốn chủ sở hữu</i>	%	0,78	2,24

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I kết thúc ngày 30/09/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

### XI. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

#### Các loại công cụ tài chính của Công ty

Tài sản tài chính	Giá trị sổ sách kế toán			
	Tại ngày 30/09/2017		Tại ngày 01/07/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và tương đương tiền	96.778.682.220		81.172.629.111	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	120.295.623.265	(23.190.106.564)	153.808.434.340	(23.190.106.564)
Các khoản cho vay				
Đầu tư ngắn hạn				
Đầu tư dài hạn	30.982.951.273		30.639.388.207	
	<b>248.057.256.758</b>	<b>(23.190.106.564)</b>	<b>265.620.451.658</b>	<b>(23.190.106.564)</b>

Nợ phải trả tài chính	Giá trị sổ sách kế toán	
	30/09/2017	01/07/2017
Vay và nợ	636.863.797.028	697.160.163.972
Phải trả người bán, phải trả khác	47.845.098.505	66.765.474.746
Chi phí phải trả	3.771.495.581	9.044.992.768
	<b>688.480.391.114</b>	<b>772.970.531.486</b>

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

#### Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài nên Công ty chưa có kế hoạch bán thanh lý hay thoái vốn các khoản đầu tư.

#### Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khách với đồng Việt Nam.

#### Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi công ty có phát sinh các khoản tiền

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I kết thúc ngày 30/09/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018)

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

gửi có hoặc không có kỳ hạn. các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác). cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Tại ngày 30/09/2017</b>				
Tiền và tương đương tiền	96.778.682.220			96.778.682.220
Phải thu khách hàng. phải thu khác	119.151.545.573	1.144.077.692		120.295.623.265
Các khoản cho vay				
Đầu tư ngắn hạn	8.095.000.000			8.095.000.000
Đầu tư dài hạn		30.982.951.273		30.982.951.273
	<b>224.025.227.793</b>	<b>32.127.028.965</b>		<b>256.152.256.758</b>
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>				
Tiền và tương đương tiền	81.172.629.111			81.172.629.111
Phải thu khách hàng. phải thu khác	152.664.356.648	1.144.077.692		153.808.434.340
Các khoản cho vay	8.095.000.000			8.095.000.000
Đầu tư ngắn hạn				
Đầu tư dài hạn		30.982.951.273		15.490.700.000
	<b>242.341.046.065</b>	<b>32.127.028.965</b>		<b>274.468.075.030</b>

#### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Tại ngày 30/09/2017</b>				
Vay và nợ	632.143.797.028			632.143.797.028
Phải trả người bán, phải trả khác	47.845.098.505			47.845.098.505
Chi phí phải trả	3.771.495.581			3.771.495.581
	<b>683.760.391.114</b>			<b>683.760.391.114</b>
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>				
Vay và nợ	692.440.163.972			692.440.163.972

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I kết thúc ngày 30/09/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018)

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	77.605.578.453			77.605.578.453
Chi phí phải trả	9.044.992.768			9.044.992.768
	<b>779.090.735.193</b>			<b>779.090.735.193</b>

Tính đến thời điểm 30/09/2017, mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty hoàn toàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## XII. GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG LỢI NHUẬN SO VỚI CÙNG KỶ

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất Quý I kết thúc ngày 30/09/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018) đạt 12,279 tỷ đồng, trong đó Lợi ích của Công ty là 12,5 tỷ đồng giảm 24,66 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2016/2017, tương đương giảm 66,76 % so với cùng kỳ 2016/2017 là do:

Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 244,2 tỷ đồng tương đương giảm 53,3% so với cùng kỳ năm tài chính 2016/2017.

Lập ngày 30 tháng 10 năm 2017

Người lập biểu

Nguyễn Thị Nhung

Kế toán trưởng

Lê Thị Huệ

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương